

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Thực trạng điều kiện lao động của nữ công nhân may Công ty trách nhiệm hữu hạn may Tiến Thuận, tỉnh Ninh Thuận, năm 2017Nguyễn Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thúy Quỳnh²**TÓM TẮT**

Mục tiêu: Mô tả một số điều kiện lao động của nữ công nhân công ty TNHH may Tiến Thuận tại Ninh Thuận năm 2017.

Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) may Tiến Thuận từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2017. Đối tượng nghiên cứu (ĐTNC): tất cả nữ công nhân (NCN) đang làm việc trực tiếp ở công đoạn may, kết quả nghiên cứu được phân tích trên 932 nữ công nhân. Phương pháp thu thập số liệu phát vấn câu hỏi được thiết kế sẵn; quan sát và sử dụng số liệu thứ cấp.

Kết quả: Thời gian làm việc trong ngày trung bình là $8,2 \pm 0,3$ giờ, Chiều cao bàn máy may là $78,4 \pm 0,9$ cm. Bàn máy may có thể tăng, giảm được chiều cao đạt tỷ lệ 45,7%. Chiều cao ghế ngồi làm việc của nữ công nhân may là $47,9 \pm 2,3$ cm, những tư thế và môi trường lao động bất lợi người lao động thường gặp: thường xuyên phải vói tay khi làm việc 49,9%; thường xuyên cúi đầu 56,1%; thường xuyên xoay/ngiên người 21,6% và thường xuyên cúi khom 13,5%; thường xuyên tiếp xúc với nóng 13,6%; công việc đơn điệu, thao tác lặp đi lặp lại 74,4%; công việc gò bó 21,2%.

Kết luận: Chỉ có 45,7% NCN được làm việc với bàn máy may có thể tăng giảm được chiều cao và 56,4% ghế ngồi có thể tăng giảm được chiều cao. NCN vẫn phải làm việc trong số tư thế lao động bất lợi như cúi, vói, nghiêng người nhiều; tính chất công việc căng thẳng, đơn điệu.

Khuyến nghị: Công ty bố trí bàn, ghế làm việc của NCN may có thể điều chỉnh được chiều cao.

Từ khóa: Điều kiện lao động, nghề may, nữ công nhân may

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành dệt may là một trong những ngành mũi nhọn của Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu lớn thứ hai, đóng góp từ 10-15% vào GDP. Lực lượng lao động chiếm hơn 20% trong khu vực công nghiệp và gần 5% tổng lao động toàn quốc (1). Tuy nhiên, thực trạng điều kiện làm việc của các doanh nghiệp hiện nay là rất đáng quan tâm. Hầu hết các cơ sở mặc dù đã được trang bị các thiết bị máy móc nhằm nâng cao năng suất lao động nhưng đa

số trang bị không đồng bộ, tận dụng, không có sự đầu tư lớn, bố trí sắp xếp chưa hợp lý, mặt bằng sản xuất chật hẹp, nhiều hóa chất được sử dụng nên trong quá trình sản xuất đã phát sinh rất nhiều yếu tố có hại cho sức khỏe người lao động (2). Tại công ty TNHH may Tiến Thuận tại Ninh Thuận, công nhân đa số là nữ; điều kiện làm việc, tư thế lao động còn nhiều yếu tố bất lợi có thể ảnh hưởng đến sức khỏe cho người lao động. Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng điều kiện lao động của nữ công nhân may công ty TNHH



*Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Minh Hiếu

Email: mph19tmmh@studenthuph.edu.vn

¹Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Ninh Thuận

²Trường Đại học Y tế công cộng

Ngày nhận bài: 07/11/2017

Ngày phản biện: 07/12/2017

Ngày đăng bài: 25/12/2017

may Tiến Thuận tại Ninh Thuận, năm 2017 để từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện điều kiện lao động, nâng cao sức khỏe cho người lao động.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu

Trong nghiên cứu này sử dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: Công ty TNHH may Tiến Thuận – Ninh Thuận. Thời gian nghiên cứu từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2017.

Đối tượng nghiên cứu

Nữ công nhân (NCN) trực tiếp sản xuất ở vị trí may, có thời gian làm việc tại vị trí may trên 1 năm và có hợp đồng lao động với doanh nghiệp.

Cơ sở vật chất: bàn máy may, ghế ngồi làm việc.

Cỡ mẫu và phương pháp thu thập số liệu

Chọn mẫu toàn bộ ĐTNC với tổng số là 1018 NCN, trong đó có 86 trường hợp điền phiếu điều tra không hợp lệ, khi làm sạch số liệu những trường hợp này bị loại ra. Vì vậy thực tế đưa vào phân tích số liệu là 932 đối tượng. Bàn, ghế làm việc của NCN được điều tra viên đo trực tiếp bằng thước đo, mỗi tổ chọn 3 vị trí đầu, giữa và cuối để đo. Tổng số bàn, ghế được đo chiều cao là 72 bộ. Thu thập số liệu bằng hình thức phát vấn trực tiếp, quan sát và xem hồ sơ trang thiết bị.

Biến số

Các nhóm biến số chính bao gồm 1) thông tin chung của đối tượng nghiên cứu; 2) nhóm biến số về điều kiện làm việc: thời giờ làm việc, vị trí lao động, bàn máy may, ghế ngồi của công nhân, tính chất công việc.

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Công cụ là bộ câu hỏi soạn trước. Thu thập số liệu bằng phương pháp phát vấn tự điền, quan sát và xem hồ sơ trang thiết bị.

Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch, nhập và quản lý bằng chương trình Epidata 3.1, xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 22.0. Mô tả biến định tính sử dụng tần số và %, mô tả biến định lượng sử dụng trung bình và độ lệch chuẩn.

Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ các quy định về đạo đức nghiên cứu và được thông qua bởi Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y tế công cộng số 116/2017/YTCC-HD3 ngày 15 tháng 3 năm 2017.

KẾT QUẢ

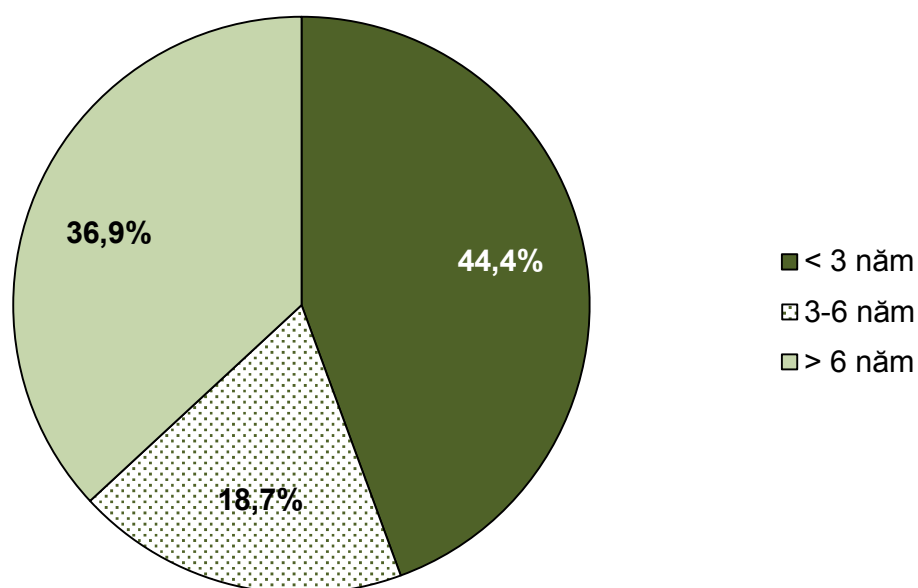
Thông tin chung về đối tượng và điều kiện làm việc

Bảng 1 cho thấy đa số NCN ở độ tuổi 18-30 chiếm tỷ lệ 71,7%, độ tuổi trên 40 tuổi thấp nhất chỉ chiếm tỷ lệ 4,1%. Tuổi trung bình của nữ NCN trong nghiên cứu này là $27,9 \pm 5,6$ tuổi. Tuổi nhỏ nhất tham gia nghiên cứu là 19 tuổi, tuổi cao nhất là 46 tuổi. Về trình độ học vấn, 50% NCN có trình độ trung học cơ sở, tiếp đến là trình độ trung học phổ thông (38,5%). Về trình trạng hôn nhân, đa số NCN đã lập gia đình, chiếm tỷ lệ 62,3%.

Chiều cao trung bình của NCN là $153,3 \pm 4,7$ cm; Cân nặng trung bình là $47,9 \pm 6,4$ kg. Chỉ số BMI trung bình là $20,4 \pm 2,5$; thấp nhất 15,4 và cao nhất là 30. Chỉ số BMI của NCN thuộc nhóm bình thường (từ 18 đến 23) chiếm tỷ lệ cao nhất 67,0%; NCN có chỉ số BMI từ 18 trở xuống chiếm 17,8%; NCN có chỉ số BMI từ 23 trở lên chiếm tỷ lệ thấp nhất 15,2%.

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Thông tin	Số lượng (n = 932)	Tỷ lệ (%)
1. Tuổi	Tuổi trung bình là $27,9 \pm 5,6$	
18 – 30	668	71,7
31 – 40	226	24,2
41 – 46	38	4,1
2. Trình độ học vấn		
Mù chữ	5	0,5
Tiểu học	66	7,1
Trung học cơ sở	466	50,0
Trung học phổ thông	359	38,5
Trung cấp trở lên	36	3,9
3. Trình trạng hôn nhân		
Độc thân	300	32,2
Có chồng	581	62,3
Ly hôn	51	5,5
4. BMI	BMI trung bình là $20,4 \pm 2,5$	
15,35 – 17,99	166	17,8
18 – 23	624	67,0
23,01 – 30,30	142	15,2

**Biểu đồ 1. Tuổi nghề của nữ công nhân may**

Kết quả biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ NCN có tuổi nghề dưới 3 năm là cao nhất chiếm 44,4%; thấp nhất là tỷ lệ NCN có tuổi nghề từ 3-6 năm chiếm 18,7%. Tuổi nghề trung bình của

NCN trong nghiên cứu này là $4,9 \pm 3,6$ năm.

Điều kiện lao động của NCN may công ty TNHH may Tiến Thuận

Bảng 2. Thông tin về điều kiện làm việc của đối tượng nghiên cứu

Yếu tố		Số lượng (n = 932)	Tỷ lệ (%)
Thời gian làm việc trong ngày trung bình là $8,2 \pm 0,3$ h	7 - 8h/ngày	587	63,0
	8,1 – 8,5 h/ngày	345	37,0
Thời gian làm việc trong tuần	6 ngày/tuần	932	100,0
Thời gian nghỉ giữa ca	6 phút	932	100,0
Tập thể dục giữa ca	Không	932	100,0
Chiều cao bàn máy may làm việc	$78,38 \pm 0,9$ cm		
Chiều cao bàn máy may làm việc có thể tăng, giảm		426	45,7
Chiều cao ghế ngồi làm việc	$47,91 \pm 2,3$ cm		
Chiều cao ghế ngồi làm việc có thể tăng, giảm		526	56,4
Không gian làm việc	Thoải mái	888	95,3
	Chật hẹp	44	4,7
Nóng	Thường xuyên	127	13,6
	Đôi khi	750	80,5
	Không	55	5,9
Ánh sáng chói	Thường xuyên	9	1,0
	Đôi khi	547	58,7
	Không	376	40,3

Bảng 2 cho thấy thời gian làm việc của ĐTNC ≤ 8 h/ngày chiếm tỷ lệ 63,0%. Tất cả công nhân tham gia nghiên cứu đều làm việc 6 ngày/tuần. Thời gian nghỉ giữa ca là 6 phút. Chiều cao bàn máy may làm việc trung bình là $78,4 \pm 0,9$ cm; NCN may làm việc tại vị trí bàn máy may có thể tăng, giảm được chiều cao đạt tỷ lệ 45,7%. Chiều cao ghế ngồi làm việc của NCN may trung bình là $47,9 \pm 2,3$ cm; NCN

may ngồi ghế có thể tăng giảm chiều cao đạt tỷ lệ 56,4%.

Về không gian làm việc, đa số NCN cảm thấy không gian làm việc thoải mái. Chỉ có khoảng 13,6% nữ công nhân cảm nhận thường xuyên phải làm việc trong điều kiện nóng. Về điều kiện làm việc tiếp xúc với ánh sáng chói, chỉ khoảng 1% nữ công nhân cảm nhận phải làm việc thường xuyên tiếp xúc với ánh sáng chói.

Bảng 3. Thông tin về tính chất công việc của đối tượng nghiên cứu

Yếu tố		Số lượng (n = 932)	Tỷ lệ (%)
Tư thế làm việc thường xuyên phải	Với tay	465	49,9
	Cúi đầu	523	56,1
	Xoay/nghiêng người	201	21,6
	Cúi khom	126	13,5
Công việc đơn điệu		693	74,4
Làm việc gò bó		198	21,2
Làm việc theo ca kíp		61	6,5

Kết quả Bảng 3 cho thấy trong quá trình làm việc NCN phải đối diện với những tư thế lao động bất lợi như: thường xuyên với tay (49,9%); thường xuyên cúi đầu (56,1%); thường xuyên xoay/nghiêng người khi làm việc (21,6%) và thường xuyên cúi khom (13,5%). Gần $\frac{3}{4}$ NCN đánh giá công việc hàng ngày của họ đơn điệu, thao tác lặp đi lặp lại; công việc gò bó chiếm tỷ lệ 21,2%.

BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra rằng phần lớn công nhân ở độ tuổi dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 71,7%, độ tuổi từ 40 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ 4,1% thấp. Tuổi trung bình của NCN tham gia nghiên cứu là $27,9 \pm 5,6$ tuổi. Độ tuổi này phù hợp với đặc thù của ngành may. Lực lượng công nhân cũng trẻ do có sự thay đổi công việc và bổ sung số lượng công nhân thường xuyên. Kết quả tương đồng nghiên cứu của Hoàng Thị Thúy Hà công nhân có tuổi đời thấp, từ 20 đến 29 và 30 đến 39 chiếm tỷ lệ cao (45-46%). Tỷ lệ công nhân có tuổi đời cao ≥ 40 chỉ chiếm tỷ lệ 9,6% (3). Tuổi trung bình thấp hơn nghiên cứu của Maduagwu SM và cộng sự là $30,03 \pm 11,99$ tuổi (4) và nghiên cứu của S. S. P. Warnakulasuriya và cộng sự với độ tuổi từ 16-59 tuổi (trung bình là 31 tuổi) (5). Phần lớn NCN đã lập gia đình chiếm tỷ lệ 62,3%. Điều này rất phù hợp với tuổi đời của đối tượng nghiên cứu.

Công nhân ở độ tuổi nghề dưới 3 năm cao nhất chiếm tỷ lệ 44,4%, tuổi nghề từ 3 đến 6 năm thấp nhất chiếm tỷ lệ 18,7%, tuổi nghề từ 6 năm trở lên chiếm tỷ lệ 36,9%.

Tuổi nghề trung bình của NCN tham gia nghiên cứu là $4,94 \pm 3,6$ năm. Lực lượng công nhân cũng trẻ, có bổ sung số lượng công nhân thường xuyên nên số công nhân có tuổi nghề thấp chiếm tỷ lệ đáng kể. Vì vậy, tuổi nghề của công nhân tập trung chủ yếu ở nhóm < 3 năm (44,4%) là hoàn toàn tương xứng với tuổi đời, trình độ học vấn của NCN. Điều này chứng tỏ lực lượng lao động ngành công nghiệp dệt may trẻ, tuổi nghề thấp do yêu cầu công việc chỉ cần công nhân có tay nghề nhất định là đạt yêu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Về trình độ học vấn, phần lớn nữ công nhân may là trung học cơ sở (50,0%) và trung học phổ thông (38,5%). Nghề may đa số là tuyển lao động phổ thông sau đó đào tạo tại chỗ, công việc tương đối đơn giản nên không cần công nhân có trình độ học vấn cao.

Chiều cao trung bình của ĐTNC là $153,3 \pm 4,7$ cm; cân nặng của ĐTNC trung bình là $47,9 \pm 6,4$ kg, phù hợp với nhân trắc người Việt Nam. Phần lớn chỉ số BMI thuộc nhóm bình thường 18 đến 23 chiếm tỷ lệ 67,0%. Kết quả chỉ số BMI cho thấy đa số NCN làm việc tại doanh nghiệp có thể trạng bình thường.

Thời gian làm việc ≤ 8 h/ngày chiếm tỷ lệ 63,0%. Kết quả thời gian làm việc >8 h/ngày

thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Lê Thu Nga (có đến 79,1% công nhân làm việc từ 8h – 10h/ngày, 4,17% công nhân làm việc trên 10h/ngày) (6); kết quả nghiên cứu của Vũ Phong Túc và Trương Công Đạt (phần lớn NCN phải làm việc trên 8 tiếng/ngày chiếm tỷ lệ 89,9%) (7); Vũ Phương Linh (thời gian lao động của công nhân phần lớn phải làm từ 9 - 12h/ngày chiếm 79,5%) (8). Tất cả công nhân tham gia nghiên cứu đều làm việc 6 ngày/tuần. Thời gian nghỉ giữa ca là 6 phút. Công ty không có tổ chức tập thể dục giữa ca làm việc cho công nhân.

Đa số công nhân làm việc trong điều kiện thoải mái chiếm tỷ lệ 95,3%. Công ty có diện tích các phân xưởng rộng, việc bố trí mỗi công nhân làm việc tại một bàn máy, giữa hai hàng máy có lối đi thông thoáng để vận chuyển hàng, tạo không gian thông thoáng cho người lao động. Chiều cao bàn máy may làm việc của công nhân trung bình là $78,38 \pm 0,9$ cm. Chiều cao ghế ngồi làm việc của công nhân trung bình là $47,91 \pm 2,3$ cm. Chiều cao bàn và ghế hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động (chiều cao bề mặt làm việc đối với lao động nữ tư thế ngồi loại công việc đòi hỏi độ chính xác cao là từ 70 – 83 cm) (9). Về kích thước bàn ghế cơ bản phù hợp với nhân trắc người Việt Nam. Tuy nhiên, kích thước và chiều cao ghế đối với những công việc ngồi phải thuận lợi cho việc thay đổi tư thế khi làm việc, ghế không được quá sâu, khoảng cách từ mặt ghế đến cạnh bàn không ít hơn 270 - 300mm (9). Theo nghiên cứu của Trịnh Hồng Lâm đánh giá một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động và ergonomics ở một số công ty may công nghiệp tại một số tỉnh phía nam, kết quả ghế ngồi cho công nhân may chưa phù hợp với các nguyên tắc của Écgonômi: ghế bằng gỗ cứng, không có tựa lưng, không điều chỉnh được chiều cao (10). Nghiên cứu của OG Akanbi, AN Ikemefuna về ghế ngồi của thợ may và rối loạn cơ xương ở Nigeria. Một cuộc khảo sát của các thợ máy may ở Tây Nam Nigeria cho

thấy rằng các khu vực của các thợ máy may, đặc biệt là các thiết bị ngồi, là các loại thiết kế không phù hợp với các yêu cầu ecgonomi của con người (11).

Điều kiện làm việc nóng: làm việc trong môi trường lao động vi khí hậu nóng người công nhân bị mất lượng mồ hôi lớn để cân bằng nhiệt cơ thể, dễ dẫn đến tình trạng mệt mỏi, uể oải. Kết quả công nhân cảm nhận phải làm việc trong điều kiện nóng thường xuyên chiếm tỷ lệ 13,6%. Công nhân làm việc trong môi trường mật độ đông đúc, cấu tạo phân xưởng sản xuất, thiết kế mái che phân xưởng, yếu tố mùa khí hậu là những nguyên nhân tác động trực tiếp đến yếu tố vi khí hậu nóng trong môi trường làm việc của công nhân. Công ty đã lượng giá các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân và lắp quạt thông gió kết hợp với thông gió tự nhiên tạo môi trường làm việc đảm bảo cho công nhân trực tiếp sản xuất. Chiều sáng: theo quan sát của chúng tôi, nhà xưởng của các công ty dệt may được thiết kế cao ráo, rộng, thoáng mát, kết hợp giữa chiếu sáng tự nhiên qua hệ thống cửa sổ, cửa ra vào, một phần để tiết kiệm năng lượng, một phần tạo thông thoáng môi trường xưởng sản xuất. Mặt khác, trong xưởng còn sử dụng chiếu sáng nhân tạo từ hệ thống đèn huỳnh quang, đèn chiếu sáng cục bộ tại mỗi vị trí sản xuất. Điều kiện lao động ngành may cần độ chính xác cao nên đòi hỏi chiếu sáng tại vị trí bàn máy cao kết quả nghiên cứu này đa số NCN đánh giá điều kiện ánh sáng làm việc thoải mái đối với họ.

Trong quá trình làm việc NCN phải đối diện với những tư thế lao động bất lợi như: thường xuyên với tay chiếm tỷ lệ 49,9%, thường xuyên cúi đầu chiếm tỷ lệ 56,1%, thường xuyên xoay/nghiêng người chiếm tỷ lệ 21,6%, thường xuyên cúi khom chiếm tỷ lệ 13,5%. Các tư thế này duy trì thường xuyên sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động. Nghiên cứu của Leap VAN và cộng sự về tỷ lệ hiện mắc các triệu chứng cơ xương trong công nhân may mặc tại tỉnh Kandal, Campuchia năm 2016. Kết quả các tư thế của công nhân được đánh giá là mức độ hành động 3: công

việc có các tư thế gây căng thẳng rất đáng kể cần một giải pháp điều chỉnh được thực hiện càng nhanh càng tốt, thay đổi tư thế được yêu cầu sớm, và 7,5% các tư thế của họ được đánh giá theo OWAS là mức độ hành động 4: công việc có các tư thế gây hại rõ ràng, thay đổi là yêu cầu ngay lập tức (12).

Theo tổng quan y văn, ngành công nghiệp dệt may được xếp vào nhóm nghề có mức độ lao động tuy không quá nặng nhọc nhưng gò bó, đòi hỏi nhịp độ nhanh. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng công việc của công nhân may đơn điệu, thao tác lặp đi, lặp lại nhiều lần chiếm tỷ lệ 74,4%, công việc gò bó chiếm tỷ lệ 21,2%, phải làm việc theo ca kíp chiếm tỷ lệ chỉ có 6,6%. Kết quả nghiên cứu tương đồng so với nghiên cứu của Scott P. Schneider về “phòng ngừa các rối loạn cơ xương ở công nhân may: Kết quả sơ bộ về yếu tố Ergonomics rủi ro và đề xuất biện pháp can thiệp trong số thợ may ở khu vực Vịnh San Francisco” Kết quả nghiên cứu: tính chất công việc thực hiện đơn điệu và tốc độ cao, chính xác, nhiệm vụ đòi hỏi phải duy trì tư thế khớp không phù hợp với ecgonomi và lặp lại cao các thao tác (13).

Hạn chế của nghiên cứu: Nghiên cứu định lượng tiến hành thu thập thông tin bằng bảng hỏi được thiết kế sẵn (phát vấn) phương pháp này có thể mắc sai sót nhớ lại của đối tượng nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu trả lời không trung thực các vấn đề được hỏi. Nghiên cứu của chúng tôi đánh giá điều kiện làm việc qua cảm giác chủ quan của đối tượng nghiên cứu, không tiến hành đo kiểm môi trường như một số nghiên cứu trước đó. Điều này, giúp đánh giá được cảm nhận của người tham gia lao động sản xuất trực tiếp trong suốt thời gian làm việc. Tự cảm nhận về điều kiện lao động là phương pháp đánh giá được thực hiện nhiều trong các nghiên cứu về sức khỏe nghề nghiệp. Trong điều kiện làm việc như nhau, tự đánh giá, tự cảm nhận của từng cá nhân có thể khác nhau qua đó đánh giá được sự thích ứng và khả năng chịu đựng của người lao động đối với điều kiện làm việc cụ thể. Nghiên cứu chỉ mô tả một số điều kiện lao động.

KẾT LUẬN

Chiều cao bàn và ghế làm việc của NCN may phù hợp với tiêu chuẩn theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế. Tuy nhiên, mới chỉ có 45,7% NCN được làm việc với bàn máy may có thể tăng giảm được chiều cao và 56,4% ghế ngồi có thể tăng giảm được chiều cao. NCN vẫn phải làm việc trong số tư thế lao động bất lợi như cúi, vói, nghiêng người nhiều; tính chất công việc căng thẳng, đơn điệu.

KHUYẾN NGHỊ

Công ty bố trí bàn, ghế làm việc của NCN may có thể điều chỉnh được chiều cao.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin cảm ơn Ban giám đốc công ty TNHH may Tiến Thuận tại Ninh Thuận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ngành và Tư vấn Việt Nam. Báo cáo ngành dệt may Việt Nam Quý 2 năm 2016 2016 [Available from: <http://viracresearch.com/vi/standardreport/vietnam-textile-garment-comprehensive-report-q22016/>].
2. Bộ Y tế. Báo cáo Công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống BNN cho người lao động. 2017.
3. Hà HTT. Thực trạng môi trường, sức khỏe, bệnh tật ở công nhân may Thái Nguyên và hiệu quả một số giải pháp can thiệp [Luận án tiến sĩ y học]. Thái Nguyên: Đại học Thái Nguyên; 2015.
4. SM M, GO S, MP B, OA A, AM J, OA J, et al. Work-Related Musculoskeletal Disorders among Self-employed Sewing Machine Operators in Maiduguri, Nigeria. *Journal Occupational Medicine & Health Affairs*. 2015;3(5).
5. Warnakulasuriya SSP, Peiris-John RJ, Coggon D, Ntani G, Sathiakumar N, Wickremasinghe AR. Musculoskeletal pain in four occupational populations in Sri Lanka. *Journal Occupational Medicine*. 2012;62:269–72.
6. Nga LT, Dũng ND. Bước đầu tìm hiểu tình hình đau thắt lưng ở công nhân may công nghiệp thuộc Tổng Công ty May Việt Nam. 2000.
7. Túc VP, Đạt TC. Thực trạng đau mỏi cơ xương

- khớp của công nhân nữ làm việc tại 2 nhà máy may tỉnh Thái Bình năm 2010 [Luận văn tốt nghiệp]. Thái Bình: Trường Đại học Y Thái Bình; 2010.
8. Linh VP. Nghiên cứu tác hại nghề nghiệp do môi trường lao động, tư thế lao động, ecgonomi gây ra và hiện trạng sử dụng thuốc của công nhân công ty may Đáp Cầu - Bắc Ninh [Luận văn tốt nghiệp Đại học]. Hà Nội: Đại học Y dược Hà Nội; 2003.
 9. Bộ Y tế. Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động. Hà Nội. 2002.
 10. Lân TH. Đánh giá một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động và ergonomics ở một số công ty may công nghiệp tại một số tỉnh phía nam. Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh. 2008;16(3):598-603.
 11. Akanbi O, Ikemefuna A. Tailor's chair and musculoskeletal disorders in Nigeria. Journal African Journals Online 2010;22.
 12. Van L, Chaiear N, Sumananont C, Kannarath C. Prevalence of musculoskeletal symptoms among garment workers in Kandal province, Cambodia. Journal of Occupational Health. 2016;58:107-17.
 13. Chan J, Janowitz I, Lashuay N, Stern A, Fong K, Harrison R. Preventing musculoskeletal disorders in garment workers: preliminary results regarding ergonomics risk factors and proposed interventions among sewing machine operators in the San Francisco Bay Area. Applied occupational and environmental hygiene. 2002;17(4):247-53.

The working condition of female sewing workers in Tien Thuan Garment Company Limited Ninh Thuan province, 2017

Nguyen Minh Hieu¹, Nguyen Thuy Quynh²

¹*Center for Disease Control of Ninh Thuan province*

²*Hanoi University of Public Health*

Objectives: to evaluate the working condition of female sewing workers in the Tien Thuan Garment Company Limited in 2017. Methods: A cross-sectional study was conducted among 932 female workers in sewing line. Data were collected by self-filled questionnaire and observation. Main findings: Height desk: 78.4 ± 0.9 cm, height chair: 47.9 ± 2.3 cm, adjustable desk and chair (45.7% and 49.9%), the frequent heat exposure at work: frequently (13.6%), sometimes (80.5%), the frequent high light exposure at work: frequently (1.0%), sometimes (58.7%), monotonous (74.4%), the work was confined (21.2%), frequent work postures were bent over (13.5%). Conclusions: Sewing machine operators performed monotonous and high-speed precision tasks that required sustained non-neutral joint postures and highly repetitive movements.

Keywords: *condition of working, garment industry, female garment workers.*